SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2325/TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 11năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Mua sinh phẩm, hóa chất, vật tư xét nghiệm 1174 mẫu của các đơn vị cấp nước có công suất thiết kế dưới 1000m^3/ngày đêm năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm có đủ năng lực

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên kính mời các đơn vị tham gia báo giá gói thầu "Mua sinh phẩm, hóa chất, vật tư xét nghiệm 1174 mẫu của các đơn vị cấp nước có công suất thiết kế dưới 1000m^3/ngày đêm năm 2026". Bảng báo giá theo các tiêu chí cụ thể như sau:

1. Nội dung yêu cầu báo giá:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

2. Hiệu lực báo giá: 01 bản báo giá chi tiết theo phụ lục, có chữ ký và đóng dấu đại diện hợp pháp của nhà thầu. Báo giá có giá trị trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày 18/11/2026.

3. Giá hàng hóa: Bao gồm giá hàng hoá và các loại thuế, chi phí bảo quản và tất cả các chi phí phát sinh khác có liên quan đến việc cung cấp hàng hoá vận chuyển đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

4. Hạn nộp báo giá:

Hết ngày 18 tháng 11 năm 2026 theo các hình thức sau:

Bản scan gửi qua email: tochucytdp@gmail.com

Hoặc Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 971, đường Dương Tự Minh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại liên hệ: 0969525000 – Đ/c Nguyễn Bá Tuấn, khoa Dược–VTYT.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:VT, D-VTYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI NGUYÊN

Hoàng Anh

Phụ lục

DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thư mời số 2325 /TM-KSBT ngày 08 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
1	Coliform agar	- Môi trường dùng nuôi cấy phát hiện và đếm E.coli và Coliform trong mẫu nước bằng phương pháp lọc màng. - Thành phần: Casein; Yeast Extract; Sodium Chloride; Sodium Dihydrogen Phosphate x $2H_2O$; Di-sodium Hydrogen Phosphate; Sodium Pyruvate; Sorbitol; Tryptophane 1; Tergitol 15-S-7 (hoặc Tergitol 7); 6-chloro-3-indoxyl-beta-D galactopyranoside (hoặc Salmon-beta-D galactosid hoặc Salmon-GAL) 0,2 g/l; 5-Bromo-4-chloro-3-indoxyl-β-D glucuronic acid (hoặc X-Glucuronide hoặc X-beta-G-glucuronide CHX salt); Isopropyl-beta-D-thiogalactopyranoside (hoặc IPTG); Agar (hoặc Bacteriological agar); Hoặc thành phần tương đương Quy cách: 500g/hộp hoặc tương đương	Gam	1.500	Châu Á hoặc Châu Âu								
2	Pseudomonas CFC/CN agar (base)	- Môi trường dùng phát hiện và đếm P.aeruginosa bằng pp lọc màng. - Thành phần: Gelatin Peptone; Casein hydrolysate; Potassium sulfate; Magnesium chloride anhydrous; Agar. Hoặc thành phần tương đương Quy cách: 500g/hộp hoặc tương đương	Gam	2.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
3	Pseudomonas CFC Selective Supplement (Chất bổ sung CN)	- Chất bổ sung của Pseudomonas CFC/CN agar base. - Thành phần trong 1 lọ: Hexadecyltrimetyl amoni bromua (cetrimid) 0,2g; Axit nalidixic 0,015g. Hoặc thành phần phù hợp với môi trường Pseudomonas CFC/CN agar base. - Quy cách: hộp 10 lọ hoặc tương đương	Lọ	50	Châu Á hoặc Châu Âu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
4	Brain Heart Broth (BHI)	Thành phần: Enzymatic Digest of Animal Tissues; Dehydrated Calf Brain Infusion; Dehydrated Beef Heart Infusion; Glucose; NaCl; Na_2HPO_4, anhydrou. Hoặc thành phần tương đương Quy cách: 500g/hộp hoặc tương đương	Gam	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
5	Baird-Parker agar	- Môi trường nuôi cấy Staphylococcus aureus trong mẫu nước pp lọc màng. - Thành phần: Pancreatic Digest of Casein; Meat Extract; Yeast Extract; Sodium Pyruvate; L-Glycine; Lithium Chloride; Agar. Hoặc thành phần tương đương Quy cách: 500g/hộp hoặc tương đương	Gam	2.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
6	Trypticase Soy Agar	Thành phần: Pancreatic digest of casein; Papaic digest of soybean meal; Sodium chloride; Agar; Hoặc thành phần tương đương Quy cách: 500g/hộp hoặc tương đương	Gam	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
7	Bactident Oxidase	Dạng đĩa giấy Quy cách đóng gói: 20 đĩa /lọ hoặc tương đương.	Đĩa	900	Châu Á hoặc Châu Âu								
8	Egg yolk Tellurite emulsion (Nhũ tương lòng đỏ trứng tellurite)	Chất bổ sung của môi trường Baird-Parker agar. Thành phần: Nhũ tương lỏng, màu vàng nhạt, vô trùng. Quy cách: Lọ 50ml hoặc tương đương	ml	1.500	Châu Á hoặc Châu Âu								
9	Huyết tương thỏ đông khô	Dạng đông khô. Quy cách đóng gói: 10 lọ/hộp hoặc tương đương.	Lọ	500	Châu Á hoặc Châu Âu								
10	Cồn 70 độ	Cồn y tế Nồng độ Ethanol 70%	ml	30.000	Việt Nam								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		Quy cách đóng gói: 500ml/chai											
11	Cồn 90 độ	Cồn y tế Nồng độ Ethanol 90% Quy cách đóng gói: 500ml/chai	ml	50.000	Việt Nam								
12	$NaBH_4$	Công thức hoá học: $NaBH_4$ Dạng bột, tinh thể màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 100g hoặc tương đương	Gam	100	Châu Á hoặc Châu Âu								
13	Axit ascorbic	Công thức hoá học: $C_6H_8O_6$ Dạng bột Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 100g hoặc tương đương	Gam	100	Châu Á hoặc Châu Âu								
14	Natri hydroxit	Công thức hoá học:NaOH Dạng rắn, màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 500g hoặc tương đương	Gam	500	Châu Á hoặc Châu Âu								
15	Hydrazin sulfat	Dạng rắn, màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 100g hoặc tương đương	Gam	100	Châu Á hoặc Châu Âu								
16	Potassium Chloroplatinate	Công thức hoá học: K_2PtCl_6 Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 1g hoặc tương đương	Gam	1	Châu Á hoặc Châu Âu								
17	Bộ dung dịch chuẩn gồm : -DD chuẩn pH 4,01 -DD chuẩn pH 7,00 -DD chuẩn pH 10,01	Dung dịch lỏng, trong, đồng nhất, không có cặn. Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a); Có độ pH = 4,0 ± 0,01; độ pH = 7,0 ± 0,01; độ pH = 10,0 ± 0,01 Quy cách: Bộ gồm 4 chai; đóng 250ml/chai hoặc tương đương	Bộ	1	Châu Á								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
	-DD KCl 3,33M KCL bảo quản đầu điện cực đo pH												
18	Natri salicylat	Công thức hoá học: $C_7H_5NaO_3$ Dạng bột kết tinh màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 250g hoặc tương đương	Gam	250	Châu Á hoặc Châu Âu								
19	Trinatri xytrat	Dạng bột tinh thể màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 1000g hoặc tương đương	Gam	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
20	Dung dịch chuẩn NH_4 1000mg/l	Dung dịch lỏng, trong, đồng nhất, không có cặn Nồng độ 1000mg/l Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 500ml hoặc tương đương	ml	500	Châu Âu								
21	Ống chuẩn $KMnO_4$ 0,1N	Công thức hoá học: $KMnO_4$ Dạng Ống chứa dung dịch chuẩn, có Nồng độ 0.1 N Quy cách: Hộp 1 ống	Ống	2	Việt Nam								
22	Natri nitrosopentaxyano sắt III	Dạng rắn dạng tinh thể màu đỏ sẫm hoặc đỏ hồng, tan tốt trong nước. Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 100g hoặc tương đương	Gam	100	Châu Á hoặc Châu Âu								
23	Natri Oxalat	Công thức hóa học: $Na_2C_2O_4$ Dạng rắn màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 250g hoặc tương đương	Gam	250	Châu Á hoặc Châu Âu								
24	$CaCO_3$	Công thức hóa học: $CaCO_3$ Dạng bột màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 500g hoặc tương đương	Gam	500	Châu Á hoặc Châu Âu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
25	Amoni solution	Công thức hoá học: NH_4OH Trạng thái: Dạng lỏng, không màu, hoà tan trong nước Hàm lượng NH_3: 25 - 30% Quy cách: Chai 1000ml hoặc tương đương	ml	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
26	Amoni Clorua	Công thức hoá học: NH_4Cl Dạng tinh thể màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 500g hoặc tương đương	Gam	500	Châu Âu								
27	Ethanol	Công thức hoá học: C_2H_5OH Chất lỏng, không màu, dễ bay hơi, hàm lượng $\geq$ 99.5 % Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 1000ml hoặc tương đương	ml	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
28	Na_2EDTA (Muối natri của Acid Ethylendiamin Tetraacetic)	Công thức hoá học: Na_2EDTA ($C_{10}H_{14}N_2Na_2O_8$. $2H_2O$) Dạng bột trắng, dễ tan trong nước Độ tinh khiết: ≥99,0% Quy cách: Chai 250g hoặc tương đương	Gam	250	Châu Âu								
29	Ống chuẩn Trilon B 0.1N	Dạng Ống chứa dung dịch chuẩn, có Nồng độ 0.1 N Quy cách: Hộp 1 ống	Ống	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
30	4-aminobenzen sufonamid	Công thức hoá học: $C_6H_8N_2O_2S$ Dạng bột, kết tinh màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 100g hoặc tương đương	Gam	100	Châu Á hoặc Châu Âu								
31	N (1 naphtyl) 1.2 diamonietan dihidroclorua	Công thức hoá học: $C_{12}H_{16}Cl_2N_2$ Dạng rắn màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 5g hoặc tương đương	Gam	5	Châu Á hoặc Châu Âu								
32	Dung dịch chuẩn Nitrit 1000mg/l	Dung dịch lỏng, trong, đồng nhất, không có cặn Nồng độ 1000mg/l	ml	500	Châu Âu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a)Quy cách: Chai 500ml hoặc tương đương											
33	Axit octophotphoric	Công thức hoá học: H_3PO_4 Dạng lỏng, trong, đồng nhất, không có cặn Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 1000ml hoặc tương đương	ml	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
34	Axit sulfamic	Công thức hoá học: H_3NSO_3 Dạng rắn tinh thể màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 500g hoặc tương đương	Gam	500	Châu Á hoặc Châu Âu								
35	Dung dịch chuẩn NO_3 1000mg/l	Dung dịch lỏng, trong, đồng nhất, không có cặn Nồng độ 1000mg/l Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 500ml hoặc tương đương	ml	500	Châu Âu								
36	Axit sulfuric	Công thức hoá học: H_2SO_4 Dạng lỏng, sánh, trong, không có cặn, nồng độ ≥ 95 % Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 1000ml hoặc tương đương	ml	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
37	Amoni acetat	Công thức hoá học: CH_3COONH_4 Dạng rắn màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 500g hoặc tương đương	Gam	500	Châu Á hoặc Châu Âu								
38	Acid acetic	Công thức hoá học: CH_3COOH Dạng lỏng, trong, không có cặn, tan trong nước, có mùi chua gắt, nồng độ ≥ 99,5 % Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 1000ml hoặc tương đương	ml	1.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
39	Hydroxyl-amoni Clorua	Công thức hoá học: $NH_2OH.HCl$ Dạng rắn kết tinh màu trắng, tan trong nước Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a)	Gam	500	Châu Á hoặc Châu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		Quy cách: Chai 500g hoặc tương đương			Âu								
40	1,10-phenanthroline monohydrate	Công thức hoá học: $C_{12}H_8N_2.H_2O$ Dạng rắn kết tinh màu trắng Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách: Chai 10g hoặc tương đương	Gam	20	Châu Á hoặc Châu Âu								
41	HNO_3	Dung dịch lỏng, không màu, trong suốt, có mùi hắc đặc trưng. Hàm lượng: ≥ 65% Quy cách đóng gói: 1000ml/chai hoặc tương đương	ml	2.000	Châu Âu hoặc Châu Á								
42	HCl	Dung dịch lỏng, không màu, trong suốt, có mùi hắc đặc trưng. Hàm lượng: 36-38% Quy cách đóng gói: 1000ml/chai hoặc tương đương	ml	2.000	Châu Âu hoặc Châu Á								
43	$SnCl_2$	Tinh thể hình kim màu trắng hoặc không màu Hàm lượng ≥98%; dạng rắn. Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Quy cách đóng gói: 250g/chai hoặc tương đương	Gam	250	Châu Âu hoặc Châu Á								
44	Dung dịch chuẩn Clo Chlorine Standard Solution	Trạng thái: Chất lỏng Nồng độ: 25 – 30 mg/L tính theo Cl_2 Đạt độ tinh khiết dùng cho phân tích (P.a) Dung dịch chuẩn được sử dụng phù hợp cho máy HACH Chlorine DR300 Quy cách đóng gói: 20 ống/hộp	Ống	20	Châu Mỹ								
45	Thuốc thử Clo tự do DPD	Tên phương thức: DPD 100 gói bột (test) Phạm vi đo được: 0,02 – 2,0 mg/L Cl_2 Thể tích mẫu thử: 10ml mẫu Thuốc thử được sử dụng phù hợp cho máy HACH Chlorine DR300. Quy cách: Gói 100 test	Test	100	Châu Mỹ								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
II	**Vật tư, dụng cụ**												
46	Màng lọc Cellulose nitrat filter (size 0,45)	Chất liệu: Cellulose nitrat Lỗ lọc 0,45 µm; kích thướcØ47mm, màng trắng kẻ sọc đen,đã tiệt trùng, đóng từng cái riêng biệt Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp hoặc tương đương	Cái	5.000	Châu Á hoặc Châu Âu								
47	Màng lọc Cellulose nitrat filter (size 0,2)	Chất liệu: Cellulose nitrat Lỗ lọc 0,2 µm, kích thướcØ47mm, màng trắng kẻ sọc đen,đã tiệt trùng, đóng từng cái riêng biệt. Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp hoặc tương đương	Cái	1.500	Châu Á hoặc Châu Âu								
48	Đĩa petri nhựa, đường kính 90mm dùng 1 lần	Đĩa petri nhựa 90x15 mm dùng 1lần Chất liệu: Polystyrene cấp y tế, tiệt trùng Nắp và thân đĩa phẳng, trong suốt Quy cách đóng gói: 10 cái/túi hoặc tương đương.	Cái	5.500	Châu Á hoặc Châu Âu								
49	Pipet 1ml nhựa dùng 1 lần	Pipet nhựa tiệt trùng loại 1ml, dùng 1 lần Chất liệu: Polystyrene nguyên chất, trong suốt Quy cách đóng gói: 100 cái/túi hoặc tương đương	Cái	1.200	Châu Á hoặc Châu Âu								
50	Pipet 10ml nhựa dùng 1 lần	Pipet nhựa tiệt trùng loại 10ml, dùng 1 lần Chất liệu: Polystyrene nguyên chất, trong suốt Quy cách đóng gói: 100 cái/túi hoặc tương đương	Cái	500	Châu Á hoặc Châu Âu								
51	Găng tay y tế	Găng tay y tế có bột size S. Màu trắng Thành phần chính: Cao su thiên nhiên Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485/ISO 9001 Quy cách: Hộp 100 cái (50 đôi)	Đôi	1.800	Việt Nam								
52	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp Màu sắc: màu xanh hoặc màu trắng Chất liệu: Vải không dệt Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Quy cách: Hộp 50 cái hoặc tương đương	Cái	1.800	Việt Nam								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
53	Mũ y tế dùng 1 lần	Chất liệu vải không dệt PP hoặc PE có khả năng thoáng khí, chống thấm và không gây kích ứng. Vải mềm mại, nhẹ, không xù lông. Quy cách: 100 chiếc/gói hoặc tương đương	Chiếc	500	Việt Nam								
54	Thùng xốp bảo quản mẫu	Dung tích khoảng 93 lít, kích thước phủ bì khoảng 69 x 49,5 x 44 cm, chứa được trên 30kg hàng hoá	Cái	65	Việt Nam								
55	Nhiệt kế cơ	Nhiệt kế dùng để đo nhiệt độ tủ lạnh, dải đo từ -30^{o}C đến +30^{o}C, có móc treo hoặc chân để đứng	Cái	65	Châu Á								
56	Gel đá khô (Ice pack)	Kích Thước: 18x12x3 cm Trọng lượng: 300gram	Cái	250	Việt Nam								
57	Chai thủy tinh miệng rộng 250ml có nút mài	Chai thủy tinh trắng, thể tích 250 ml, miệng rộng ≥ 40mm, nút mài	Cái	100	Châu Á								
58	Chai thủy tinh miệng rộng 500ml có nút mài	Chai thủy tinh trắng, thể tích 500 ml, miệng rộng ≥ 40mm, nút mài.	Cái	800	Châu Á								
59	Băng dính chỉ thị nhiệt	Thành phần: Giấy sợi, keo chuyên dụng, hóa chất hấp thụ nhiệt, cao su khô tự nhiên; Chiều dài cuộn: 55m; Khổ rộng: 12mm	Cuộn	4	Châu Mỹ hoặc Châu Á								
60	Đĩa bay hơi/bát sứ	Chất liệu: Sứ Dung tích 50ml Chịu nhiệt cao và dung môi hữu cơ Đáy tròn, có vành rót, dùng để làm bay hơi dung môi nhằm thu được dung dịch đậm đặc hoặc chất rắn hòa tan ban đầu	Cái	20	Châu Á hoặc Châu Âu								
61	Ống đong thủy tinh 100 ml, có chia vạch	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 100ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch	Cái	4	Châu Á hoặc Châu Âu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		Đế của ống đong có hình lục giác / tròn đặt thẳng đứng chắc chắn.											
62	Ống đong dung tích 250ml, có chia vạch	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 250ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch Đế của ống đong có hình lục giác/ tròn đặt thẳng đứng chắc chắn.	Cái	4	Châu Á hoặc Châu Âu								
63	Màng lọc sợi thủy tinh	Loại màng lọc dùng trong phòng thí nghiệm được làm từ sợi thủy tinh Borosilicate không chứa chất kết dính, nổi bật với khả năng chịu nhiệt độ cao và tốc độ lọc nhanh Đường kính 47mm - 60mm với kích thước lỗ 2 micromet. Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp hoặc tương đương	Cái	1.200	Châu Á hoặc Châu Âu								
64	Pipet bầu thủy tinh 1 ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 1ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch định mức thể tích	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
65	Pipet bầu thủy tinh 2 ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 2ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch định mức thể tích	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
66	Pipet bầu thủy tinh 5 ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 5ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch định mức thể tích	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
67	Pipet bầu thủy tinh 10 ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 10ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ	Cái	2	Châu Á hoặc Châu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		Có chia vạch định mức thể tích			Âu								
68	Pipet bầu thủy tinh 25 ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 25ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch định mức thể tích	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
69	Pipet thẳng thủy tinh 5 ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 5ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch định mức thể tích Độ chia: 0,05ml	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
70	Pipet thẳng thủy tinh 10 ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 10ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Có chia vạch định mức thể tích Độ chia: 0,1ml	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
71	Bình tam giác 250ml	Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 250ml Chịu nhiệt và dung môi hữu cơ Đáy rộng phẳng, thân hình nón thu hẹp dần lên cổ bình, trên thân có chia vạch	Cái	100	Châu Á hoặc Châu Âu								
72	Bình định mức thủy tinh 25 ml	Dung tích: 25ml Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, nút nhựa PE, kèm với nắp nhựa, có độ kín cao Khả năng chịu nhiệt của bình thủy tinh (≥250^{o}C); của nắp nhựa (- 40^{o}C đến +80^{o}C) Có chia vạch định mức trên cổ bình Đế chắc chắn, đặt thẳng đứng chắc chắn.	Cái	20	Châu Á hoặc Châu Âu								
73	Bình định mức thủy tinh 250 ml	Dung tích: 250ml Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, nút nhựa PE, kèm với nắp nhựa, có độ kín cao	Cái	2	Châu Á hoặc Châu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		Khả năng chịu nhiệt của bình thủy tinh (≥250^{o}C); của nắp nhựa (- 40^{o}C đến +80^{o}C) Có chia vạch định mức trên cổ bình Đế chắc chắn, đặt thẳng đứng chắc chắn.			Âu								
74	Bình định mức thủy tinh 50 ml	Dung tích: 50ml Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, nút nhựa PE, kèm với nắp nhựa, có độ kín cao Khả năng chịu nhiệt của bình thủy tinh: (≥250^{o}C); của nắp nhựa (-40^{o}C đến +80^{o}C) Có chia vạch định mức trên cổ bình Đế chắc chắn, đặt thẳng đứng chắc chắn.	Cái	20	Châu Á hoặc Châu Âu								
75	Bình định mức thủy tinh 100 ml	Dung tích: 100ml Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, nút nhựa PE, kèm với nắp nhựa, có độ kín cao Khả năng chịu nhiệt của bình thủy tinh (≥250^{o}C); của nắp nhựa (-40^{o}C đến +80^{o}C)Có chia vạch định mức trên cổ bình Đế chắc chắn, đặt thẳng đứng chắc chắn.	Cái	4	Châu Á hoặc Châu Âu								
76	Bình định mức thủy tinh 500 ml	Dung tích: 500ml Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, nút nhựa PE, kèm với nắp nhựa, có độ kín cao Khả năng chịu nhiệt của bình thủy tinh (≥250^{o}C); của nắp nhựa (-40^{o}C đến +80^{o}C) Có chia vạch định mức trên cổ bình Đế chắc chắn, đặt thẳng đứng chắc chắn.	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
77	Bình định mức thủy tinh 1000 ml	Dung tích: 1000ml Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, nút nhựa PE, kèm với nắp nhựa, có độ kín cao Khả năng chịu nhiệt của bình thủy tinh (≥250^{o}C); của nắp nhựa (-40^{o}C đến +80^{o}C)	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		Có chia vạch định mức trên cổ bình Đế chắc chắn, đặt thẳng đứng chắc chắn.											
78	Bình tia có vòi	Chất liệu: nhựa, thể tích 500ml, nắp có vòi phun	Cái	4	Việt Nam								
79	Buret thủy tinh 10ml	Dung tích: 10ml Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, có khóa nhựa điều chỉnh Có chia vạch	Cái	2	Châu Á hoặc Châu Âu								
80	Cuvet thạch anh l0mm	Loại: 10x10 mm Dùng cho các máy quang phổ UV-Vis Chất liệu: Thạch anh cao cấp, trong suốt, chịu nhiệt và kháng hóa chất tốt. Cấu tạo: có 2 mặt trong suốt (cho phép ánh sáng đi qua) và 2 mặt nhám	Cái	2	Châu Mỹ								
81	Quả bóp cao su	Chất liệu cao su tự nhiên hoặc tương đương, dùng cho pipet, độ đàn hồi tốt, kín khí, không rò rỉ	Cái	4	Việt Nam								
82	Ống than chì (Pyrolytic Graphite Tube	Ống than chì (loại Pyrolytic Graphite Tube) dùng trong phân tích quang phổ hấp thụ nguyên tử lò, có độ tinh khiết cao, đảm bảo không bị nhiễm bẩn mẫu, có độ bền nhiệt cao (>2500^{o}C), ổn định hóa học trong suốt quá trình phân tích, khả năng chống lại sự ăn mòn hóa học để đảm bảo tuổi thọ của ống. Ống được phủ lớp pyrolytic carbon, giúp tăng tuổi thọ và giảm sự bám dính của tạp chất khác. Có góc tiếp xúc là 90° giúp tăng hiệu suất truyền nhiệt. Ống than chì dùng phù hợp với máy SHIMADZU AA7000	Cái	8	Châu Á								
83	Ống graphite (Z-graphite tube PIN-platform)	Dùng trong phân tích quang phổ hấp thụ nguyên tử lò, có độ tinh khiết cao, đảm bảo không bị nhiễm bẩn mẫu, có độ bền nhiệt cao, ổn định hóa học trong suốt quá	Cái	10	Châu Âu								

TT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
		trình phân tích, khả năng chống lại sự ăn mòn hóa học để đảm bảo tuổi thọ của ống. Ống graphite dùng phù hợp với máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) model ZEEnit 700p của hãng Analytik Jena											
84	Chai nhựa PET tròn	Chai bằng nhựa PET trong suốt, có nắp vặn. Quy cách: Dung tích 1.500ml	Chai	6.000	Việt Nam								
85	Micro tip 1000µl	Chuyên dùng cho các loại micropipet có dải hút tối đa là 1000µl Chất liệu nhựa PP trong suốt có khả năng chịu được hoá chất. Không màng lọc Quy cách: Hộp 100 cái	Cái	300	Châu Âu								
86	Micro tip 200µl	Chuyên dùng cho các loại micropipet có dải hút tối đa là 200µl Chất liệu nhựa PP trong suốt có khả năng chịu được hoá chất. Không màng lọc Quy cách: Hộp 96 cái	Cái	288	Châu Âu								
Tổng cộng: 86 danh mục													